



NỘI DUNG CHÍNH

✚ CẬP NHẬT CÁC QUY ĐỊNH MỚI NHẤT

1. Quy chế mới về bảo lãnh ngân hàng.
2. Quy định mới về vay và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.
3. Quy định mới về cung cấp dịch vụ truyền hình trên mạng Internet OTT.

✚ BÀI VIẾT

Ai là người sử dụng lao động làm việc tại văn phòng đại diện?

✚ ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

1. Bỏ các quy định về tính tỷ lệ nội địa hóa ô tô từ ngày 01/10/2022.
2. Đề nghị nói room tín dụng thêm 1-2% dù lãi suất cao.

✚ GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với quà tặng của nhân viên.
2. Thời điểm lập hóa đơn, kê khai thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt.
3. Miễn giảm thuế thu nhập cá nhân theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.
4. Chi phí trước khi thành lập doanh nghiệp.

✚ DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Quy chế mới về bảo lãnh ngân hàng

Ngày 30/9/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 11/2022/TT-NHNN ("**Thông tư 11**") quy định về bảo lãnh ngân hàng với nhiều điểm mới ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp:

1.1 Bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai

Theo Thông tư 11, Hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai là thỏa thuận cấp bảo lãnh giữa ngân hàng thương mại với chủ đầu tư và các bên liên quan khác (nếu có) về việc ngân hàng thương mại chấp thuận bảo lãnh cho chủ đầu tư trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai.

Theo đó, Hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm ký cho đến khi nghĩa vụ bảo lãnh của toàn bộ các thư bảo lãnh cho bên mua hết hiệu lực theo quy định tại Điều 23 (*chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh*) của Thông tư 11 và mọi nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với ngân hàng thương mại theo hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai đã hoàn thành.

1.2 Thời hạn hiệu lực của thư bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai

Theo khoản 14 Điều 3 và khoản 6 Điều 13 của Thông tư 11, theo nguyên tắc chung, việc bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai chỉ được phát hành theo hình thức thư bảo lãnh, thư bảo lãnh sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm phát hành cho đến thời điểm ít nhất sau 30 ngày kể từ thời hạn giao, nhận nhà theo cam kết tại hợp đồng mua, thuê mua nhà ở.

Trường hợp ngân hàng thương mại và chủ đầu tư chấm dứt Hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai trước thời hạn, các thư bảo lãnh đã phát hành cho các bên mua trước đó vẫn có

hiệu lực cho đến khi nghĩa vụ bảo lãnh chấm dứt.

1.3 Các yêu cầu bắt buộc trong Hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai

Ngoài các nội dung thỏa thuận cấp bảo lãnh theo quy định trước đây (*trừ nội dung về phí bảo lãnh và giải quyết tranh chấp phát sinh trong trường hợp bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng*), khoản 5 Điều 13 của Thông tư 11 còn bổ sung thêm 4 nội dung cần phải có trong Hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai là:

- (i) Ngân hàng thương mại có nghĩa vụ phát hành thư bảo lãnh cho bên mua khi nhận được hợp đồng mua, thuê mua nhà ở do chủ đầu tư gửi đến trước thời hạn giao, nhận nhà theo cam kết quy định tại hợp đồng mua, thuê mua nhà ở.
- (ii) Ngân hàng thương mại và chủ đầu tư thỏa thuận cụ thể về việc ngân hàng thương mại hoặc chủ đầu tư có nghĩa vụ gửi thư bảo lãnh cho bên mua sau khi ngân hàng thương mại phát hành thư bảo lãnh.
- (iii) Nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư.
- (iv) Hồ sơ bên mua gửi cho ngân hàng thương mại yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải kèm theo thư bảo lãnh do ngân hàng thương mại phát hành cho bên mua.

1.4 Mức bảo lãnh tối đa đối với bảo lãnh điện tử

Theo Điều 9 của Thông tư 11, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Ngân hàng) và khách hàng được lựa chọn thực hiện hoạt động bảo lãnh ngân hàng qua việc sử dụng các phương tiện điện tử (hoạt động bảo lãnh điện tử). Theo đó, giá trị của mỗi cam kết bảo lãnh điện tử phát hành cho *khách hàng cá nhân không quá 4 tỷ đồng và cho khách hàng tổ chức không quá 45 tỷ đồng*, trừ các trường hợp sau:

- Thông tin nhận biết khách hàng được xác thực bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được xác thực điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.
- Khách hàng gửi đề nghị cấp bảo lãnh bằng điện xác thực thông qua hệ thống SWIFT.
- Thông tin khách hàng và nghĩa vụ được bảo lãnh được đối chiếu khớp đúng thông qua Cổng thanh toán điện tử hải quan hoặc hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Khách hàng sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật khi đề nghị cấp bảo lãnh hoặc ký thỏa thuận cấp bảo lãnh với Ngân hàng.
- Khách hàng là Ngân hàng.

1.5 Ba trường hợp doanh nghiệp không được bảo lãnh ngân hàng

Theo khoản 2 Điều 11 của Thông tư 11, Ngân hàng không được bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán trái phiếu của các doanh nghiệp phát hành với mục đích:

- (i) Cơ cấu lại các khoản nợ của chính doanh nghiệp phát hành.
- (ii) Góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác.
- (iii) Tăng quy mô vốn hoạt động.

1.6 Văn bản bảo lãnh bằng tiếng nước ngoài

Điều 7 của Thông tư 11 quy định các thỏa thuận cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh phải được lập bằng tiếng Việt, trừ 3 trường hợp sau, Ngân hàng được thỏa thuận với các bên liên quan sử dụng tiếng nước ngoài:

- (i) Giao dịch bảo lãnh thuộc các trường hợp quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Bộ luật Dân sự.
- (ii) Nghĩa vụ được bảo lãnh phát sinh khi thực hiện các dự án được tài trợ vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế. Danh sách tổ chức tài chính quốc tế được quy định tại quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- (iii) Nghĩa vụ được bảo lãnh phát sinh khi tham gia gói thầu quốc tế.

Tuy nhiên, khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, các văn bản hoặc thông điệp dữ liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt có xác nhận của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng hoặc phải được công chứng hoặc chứng thực đính kèm bản tiếng nước ngoài.

Thông tư 11 sẽ có hiệu lực từ 01/4/2023 và thay thế Thông tư 07/2015/TT-NHNN, Thông tư 13/2017/TT-NHNN.

2. Quy định mới về vay và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp

Ngày 30/9/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 12/2022/TT-NHNN (“**Thông tư 12**”) hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh (*tức khoản vay tự vay, tự trả*) với những điểm mới đáng chú ý sau đây:

2.1 Doanh nghiệp có thể không phải đăng ký khoản vay nước ngoài nếu đã trả nợ gốc trong vòng 30 ngày tính từ ngày đáo hạn

Theo khoản 3 Điều 11 của Thông tư 12, nếu khoản vay ngắn hạn nước ngoài không có thỏa thuận gia hạn nhưng còn dư nợ gốc (bao gồm cả nợ lãi được nhập gốc) tại thời điểm tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên thì thuộc trường hợp phải đăng ký tại Ngân hàng nhà nước. Tuy nhiên, nếu bên đi vay hoàn thành thanh toán dư nợ gốc nói trên trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ thời điểm tròn 01 năm tính từ ngày rút vốn đầu tiên thì không phải không phải đăng ký khoản vay nước ngoài (KVNN).

Như vậy, đối với trường hợp này, Thông tư 12 đã có sự điều chỉnh theo hướng tăng thời gian thanh toán để doanh nghiệp không phải tiến hành đăng ký khoản vay từ 10 ngày (*theo quy định trước đây*) lên thành 30 ngày.

2.2 Doanh nghiệp phải báo cáo tình hình thực hiện KVNN trên Trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước

Theo quy định tại Điều 5, 8, 9 của Thông tư 12, doanh nghiệp phải sử dụng Trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước tại địa chỉ www.sbv.gov.vn hoặc www.qlnh-sbv.cic.org.vn để thực hiện việc báo cáo tình hình thực hiện KVNN.

Trường hợp báo cáo gặp lỗi kỹ thuật (do lỗi của doanh nghiệp) thì doanh nghiệp tạm thời báo cáo tình hình thực hiện KVNN tự vay, tự trả bằng văn bản theo mẫu báo cáo tại Phụ lục 05 của Thông tư 12, đồng thời báo cáo cho Vụ Quản lý Ngoại hối về sự cố kỹ thuật này và cập nhật báo cáo tình hình thực hiện khoản vay tự vay, tự trả vào Trang điện tử ngay sau khi sự cố được khắc phục.

Trường hợp Trang điện tử gặp lỗi kỹ thuật (không phải lỗi của doanh nghiệp), sau khi sự cố được khắc phục thì Ngân hàng Nhà nước sẽ có trách nhiệm cập nhật báo cáo của doanh nghiệp vào Trang điện tử trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của doanh nghiệp.

2.3 Thêm 05 trường hợp không cần thực hiện đăng ký thay đổi KVNN

So với quy định trước đây, Thông tư 12 đã bổ sung thêm 5 trường hợp không cần thực hiện đăng ký thay đổi KVNN mà chỉ cần thực hiện thông báo nội dung thay đổi trên Trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm:

- (i) Thay đổi thời gian rút vốn, trả nợ gốc trong phạm vi 10 ngày làm việc so với kế hoạch đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận.
- (ii) Thay đổi kế hoạch trả lãi, phí của KVNN so với kế hoạch đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi KVNN nhưng

không thay đổi cách xác định lãi, phí quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài.

- (iii) Thay đổi (tăng hoặc giảm) số tiền rút vốn, trả nợ gốc, lãi, phí trong phạm vi 100 đơn vị tiền tệ của đồng tiền vay nước ngoài so với số tiền đã nêu trong văn bản xác nhận đăng ký, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi KVNN.
- (iv) Thay đổi số tiền rút vốn, trả nợ gốc thực tế của một kỳ cụ thể ít hơn số tiền được nêu tại kế hoạch rút vốn, trả nợ trên văn bản xác nhận đăng ký hoặc văn bản xác nhận đăng ký thay đổi KVNN.
- (v) Các KVNN đã được xác nhận nội dung về địa chỉ của bên cho vay tại văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi, nếu có sự thay đổi địa chỉ bên cho vay nhưng không thay đổi quốc gia chủ nợ thì bên đi vay không cần thực hiện đăng ký thay đổi KVNN.

2.4 Những trường hợp doanh nghiệp FDI không bắt buộc sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp

Theo khoản 2 Điều 26 của Thông tư 12, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) phải sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp để thực hiện các hoạt động liên quan đến việc vay, trả nợ nước ngoài. Tuy nhiên, những trường hợp sau đây, doanh nghiệp FDI được phép sử dụng tài khoản vay, trả nợ nước ngoài khác (*tức không phải là tài khoản vốn đầu tư trực tiếp*) để vay, trả nợ nước ngoài:

- Đối với khoản vay trung, dài hạn nước ngoài mà đồng tiền vay không

phải là đồng tiền của tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, bên đi vay được mở tài khoản vay, trả nợ nước ngoài khác để thực hiện KVNN tại ngân hàng nơi bên đi vay mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp. Bên đi vay có thể dùng 01 tài khoản cho 01 hoặc nhiều KVNN.

- Đối với khoản vay ngắn hạn nước ngoài, bên đi vay có thể sử dụng tài khoản vay, trả nợ nước ngoài khác để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến KVNN. Mỗi khoản vay chỉ được thực hiện thông qua 01 ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản. Bên đi vay có thể dùng 01 tài khoản cho 01 hoặc nhiều khoản vay ngắn hạn nước ngoài.
- Đối với các khoản vay ngắn hạn còn dư nợ gốc tại thời điểm tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn và bên đi vay sẽ thực hiện trả nợ trong thời gian 30 ngày làm việc tính từ ngày tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn, bên đi vay thực hiện trả nợ qua tài khoản vay, trả nợ nước ngoài đang sử dụng cho khoản vay này.
- Trường hợp doanh nghiệp FDI là tổ chức cùng chịu trách nhiệm liên đới đối với nghĩa vụ trả nợ KVNN của bên đi vay ban đầu sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, doanh nghiệp FDI không bắt buộc sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp để thực hiện hoàn trả khoản nợ mà tổ chức này chịu trách nhiệm liên đới.

2.5 Mục đích mở tài khoản thực hiện KVNN của bên cho vay

Theo Điều 30 của Thông tư 12, bên cho vay mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của người không

cư trú tại 01 tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện các mục đích sau:

- Giải ngân, thu hồi nợ của KVNN bằng đồng Việt Nam trong trường hợp bên đi vay là doanh nghiệp FDI vay từ nguồn lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trực tiếp trên lãnh thổ Việt Nam của bên cho vay là nhà đầu tư nước ngoài góp vốn tại bên đi vay.
- Thu hồi nợ của khoản vay ngắn hạn được gia hạn thời gian trả nợ gốc mà tổng thời hạn của khoản vay là trên 01 năm và khoản vay ngắn hạn không có thỏa thuận gia hạn nhưng còn dư nợ gốc (bao gồm cả nợ lãi được nhập gốc) tại thời điểm tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên nhưng không đủ điều kiện xác nhận đăng ký.
- Thu hồi nợ của KVNN còn dư nợ nhưng vẫn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi bị chấm dứt hiệu lực do hồ sơ có thông tin gian lận, tài liệu giả mạo.

Ngoài ra, bên cho vay còn được sử dụng tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam cho các giao dịch như sau:

- Thu từ nguồn lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư trực tiếp trên lãnh thổ Việt Nam của bên cho vay.

- Chi mua ngoại tệ để chuyển về tài khoản của bên cho vay ở nước ngoài.

- Chi chuyển sang tài khoản thanh toán khác bằng đồng Việt Nam của bên cho vay mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

- Chi trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản và giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản.

Trường hợp bên cho vay sử dụng tài khoản ngoại tệ của người không cư trú tại ngân hàng thương mại để giải ngân, thu hồi nợ đối với KVNN phải tuân thủ quy định của pháp luật về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp mở và sử dụng tài khoản trên lãnh thổ Việt Nam, bên cho vay phải tuân thủ quy định của pháp luật về việc mở và sử dụng tài khoản của người không cư trú tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến KVNN.

Thông tư 12 sẽ có hiệu lực từ ngày 15/11/2022 và thay thế Thông tư 03/2016/TT-NHNN, Thông tư 05/2016/TT-NHNN và Thông tư 05/2017/TT-NHNN.

3. Quy định mới về cung cấp dịch vụ truyền hình trên mạng Internet OTT

Ngày 01/10/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 71/2022/NĐ-CP (“**Nghị định 71**”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2016/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. Nghị định 71 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 với một số điểm mới đáng chú ý liên quan đến việc cung cấp dịch vụ truyền hình trên mạng internet (*hay trên các nền tảng OTT (Over The Top)*) của doanh nghiệp như sau:

3.1 Doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ truyền hình OTT xuyên biên giới vào Việt Nam phải được cấp phép

Theo khoản 3 Điều 1 của Nghị định 71, việc quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam bao gồm cả dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet cung cấp xuyên biên giới tới người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Nghị định 71 và quy định của pháp luật liên quan. Đồng thời cho phép doanh nghiệp duy trì hoặc chấm dứt dịch vụ cung cấp truyền hình cấp tương tự theo nhu cầu thị trường.

Như vậy, các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ truyền hình OTT xuyên biên giới vào Việt Nam phải được cấp phép và thực hiện thủ tục như doanh nghiệp trong nước.

3.2 Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình OTT VOD không phải lập Đề án cung cấp dịch vụ

Theo khoản 4 Điều 1 của Nghị định 71, đối với loại hình dịch vụ truyền hình OTT, doanh nghiệp có thể lựa chọn 2 mô hình cung cấp dịch vụ truyền hình: (i) OTT cung cấp cả kênh chương trình và nội dung theo yêu cầu (VOD - Video on Demand) và (ii) OTT chỉ cung cấp nội dung VOD (OTT VOD).

Đối với dịch vụ truyền hình OTT VOD, doanh nghiệp chỉ cần thực hiện kê khai theo mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông, thay vì phải lập Đề án cung cấp dịch vụ.

3.3 Doanh nghiệp được chủ động biên tập, phân loại nội dung VOD

Khoản 11 Điều 1 của Nghị định 71 quy định việc biên tập nội dung VOD được phân thành 3 nhóm để thực hiện, gồm:

- (i) *Đối với các chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội:* phải được cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình sản xuất, biên tập trước khi cung cấp trên dịch vụ.
- (ii) *Đối với phim:* doanh nghiệp được chủ động thực hiện hoạt động phân loại phim theo tiêu chí phân loại do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định khi đáp ứng các điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định của Chính phủ và tự chịu trách nhiệm về kết quả phân loại. Trong trường hợp doanh nghiệp chưa bảo đảm điều kiện để thực hiện thì đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền thực hiện phân loại đối với phim chưa được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.
- (iii) *Đối với chương trình thể thao, giải trí:* doanh nghiệp cung cấp dịch vụ được thực hiện hoạt động biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ và hiển thị cảnh báo trong khi cung cấp dịch vụ, căn cứ theo nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và quy định của pháp luật liên quan, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam.

Như vậy, doanh nghiệp được chủ động biên tập, phân loại đối với các loại nội dung VOD là phim, chương trình thể

thao, giải trí khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3.4 Việc biên dịch nội dung VOD phải bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt

Theo khoản 11 Điều 1 của Nghị định 71, việc biên dịch nội dung truyền hình VOD là phim, chương trình nước ngoài phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Nội dung biên dịch đối với từng loại chương trình (nếu có) được thực hiện biên tập, phân loại theo quy định.

3.5 Bản quyền nội dung trên dịch vụ truyền hình

Theo khoản 13 Điều 1 của Nghị định 71, các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền

thiết yếu theo quy định của pháp luật được tiếp phát, truyền tải nguyên vẹn trên dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam *thông qua thỏa thuận điểm nhận tín hiệu* giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ (*quy định trước đây là không cần thỏa thuận về bản quyền*).

Đồng thời, các nội dung truyền hình VOD, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng phải:

(i) bảo đảm có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật; (ii) bảo đảm tính nguyên vẹn của chương trình, phim đã được phát trên kênh, bao gồm cả tên, biểu tượng (logo) của kênh chương trình; và (iii) bảo đảm tuân thủ hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận bản quyền; tính nguyên vẹn của nội dung chương trình sau khi được biên tập, phân loại theo quy định.

GV Lawyers xin giới thiệu bài viết của Luật sư Đinh Quang Thuận, Luật sư Thành viên của GV Lawyers có tiêu đề **“Ai là người sử dụng lao động làm việc tại văn phòng đại diện?”** được đăng trên Thời báo kinh tế Sài Gòn số 38-2022 (1.658) ngày 22/09/2022.

Trong thực tế, có những vấn đề nhỏ thường bị nhầm lẫn khi áp dụng luật, nhưng nếu không được lưu ý để điều chỉnh, chúng hoàn toàn có thể trở thành nguyên nhân tranh chấp, thậm chí đưa ra tới Tòa án.

Mười tám năm trước, một công ty có trụ sở chính tại Singapore đặt văn phòng đại diện của họ tại Việt Nam để thực hiện các hoạt động tìm hiểu thị trường và xúc tiến thương mại. Đến cuối năm 2020, cho rằng vai trò của văn phòng đại diện đã hoàn thành, công ty này quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện. Theo quy định, công ty thông báo chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện cho sở công thương; văn phòng đại diện ngừng tất cả các hoạt động, thanh lý các hợp đồng, bao gồm hợp đồng với các nhà cung cấp, hợp đồng thuê văn phòng và các hợp đồng lao động với nhân viên. Công việc thanh lý các hợp đồng tiến triển bình thường cho đến khi một số nhân viên bị thanh lý hợp đồng lao động khiếu nại rằng việc chấm dứt hợp đồng lao động với họ là trái luật. Họ khởi kiện công ty ra Tòa án để yêu cầu công ty nhận họ trở lại làm việc và bồi thường theo quy định.

Văn phòng đại diện cho rằng việc chấm dứt hợp đồng lao động trong tình huống này thuộc trường hợp “Người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt lao động”, được quy định tại Điều 36.7 của Bộ luật Lao động 2012 (BLLD 2012). Ngược lại, các nhân viên cho rằng do hợp đồng lao động của họ được trường văn phòng đại diện

Một số ý kiến ủng hộ quan điểm của các nhân viên, và còn cho rằng văn phòng đại diện không thể là người sử dụng lao động vì không có tư cách pháp nhân, mà chỉ là một đơn vị phụ thuộc công ty nước ngoài, do công ty nước ngoài chịu trách nhiệm.

Tuy nhiên, một số ý kiến khác lại cho rằng việc hợp

CÓ NHỮNG VẤN ĐỀ NHỎ THƯỜNG BỊ NHẦM LẤN KHI ÁP DỤNG TRONG THỰC TẾ, NHƯNG LẠI ÍT ĐƯỢC CHÚ Ý ĐỂ ĐIỀU CHỈNH. ĐỂ TRÁNH XẢY RA TRANH CHẤP ĐÁNG TIẾC, CÁC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM CỦA CÁC CÔNG TY NƯỚC NGOÀI NÊN RÀ SOÁT CÁC HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG KÝ VỚI NHÂN VIÊN, VÀ NẾU CẦN THIẾT, KÝ LẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG CHO PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM.

ký thay mặt cho công ty nước ngoài, nên công ty nước ngoài là người sử dụng lao động của họ. Các nhân viên này lập luận rằng khi họ bị chấm dứt hợp đồng lao động do công ty chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện thì đó là trường hợp “Người sử dụng lao động cho người lao động thôi việc do thay đổi cơ cấu”, được quy định tại Điều 36.10 của BLLD 2012, và còn cho rằng công ty nước ngoài trong trường hợp này đã không xây dựng phương án sử dụng lao động khi cho nhiều nhân viên thôi việc theo quy định tại Điều 44 của BLLD 2012, nên công ty nước ngoài bị xem là chấm dứt hợp đồng lao động trái luật.

đồng lao động ghi trường văn phòng đại diện ký thay mặt cho công ty nước ngoài rất có thể là do sự nhầm lẫn của người soạn thảo, bởi lẽ công ty nước ngoài không thể ký hợp đồng lao động để tuyển dụng lao động làm việc cho văn phòng đại diện của họ tại Việt Nam. Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005 cũng như Bộ luật Dân sự 2015, khi pháp nhân nước ngoài xác lập, thực hiện giao dịch dân sự tại Việt Nam thì năng lực pháp luật dân sự của họ được xác định theo pháp luật Việt Nam. Do Luật Thương mại chỉ quy định văn phòng đại diện tại Việt Nam của công ty nước ngoài được quyền thuê lao động, và không quy định

công ty nước ngoài thuê lao động để làm việc cho văn phòng đại diện của họ tại Việt Nam, nên văn phòng đại diện tại Việt Nam của công ty nước ngoài được ký hợp đồng lao động thuê nhân viên làm việc cho



văn

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG CỦA CÁC NHÂN VIÊN LÀM VIỆC TẠI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐƯỢC XEM LÀ PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT NẾU ĐƯỢC KÝ GIỮA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ CÁC NHÂN VIÊN ĐÓ. HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG CỦA CÁC NHÂN VIÊN LÀM VIỆC TẠI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NHƯNG GHI LÀ KÝ VỚI ĐẠI DIỆN CÔNG TY NƯỚC NGOÀI LÀ KHÔNG PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM.

liên quan của pháp luật thương mại và pháp luật lao động đều khẳng định quan điểm này. Do pháp luật Việt Nam không định nghĩa công ty nước ngoài là “tổ chức nước ngoài tại Việt Nam” để có thể ký hợp đồng lao động, nên việc các nhân viên cho rằng công ty nước

Tòa án có thể quyết định như vậy. Kể cả khi Tòa án quyết định cũng không có cơ sở pháp lý để cưỡng chế thi hành quyết định của Tòa án.

Vì vậy, hợp đồng lao động của các nhân viên làm việc tại văn phòng đại diện được xem là phù hợp với quy định của pháp luật nếu được ký giữa văn phòng đại diện và các nhân viên đó. Hợp đồng lao động của các nhân viên làm việc tại văn phòng đại diện nhưng ghi là ký với đại diện công ty nước ngoài là không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

phòng đại diện đó, công ty nước ngoài không có cơ sở để làm điều này.

Luồng ý kiến này còn viện dẫn một số quy định của Nghị định 75/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc tuyển dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định 75). Theo đó, “tổ chức nước ngoài tại Việt Nam” được định nghĩa tại Điều 2 của Nghị định 75 bao gồm một số tổ chức được cơ quan thẩm quyền của Việt Nam cấp phép thành lập, trong đó có các văn phòng đại diện tại Việt Nam của các công ty nước ngoài, nhưng không bao gồm các công ty nước ngoài đó.

Người viết bài ủng hộ quan điểm “văn phòng đại diện là người sử dụng lao động” do nhận thấy các quy định có

ngoài ký hợp đồng lao động với lao động Việt Nam để tuyển dụng họ làm việc cho văn phòng đại diện của công ty tại Việt Nam là không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Chưa kể, việc chấp nhận quan điểm của các nhân viên sẽ dẫn đến tình trạng “khó xử” khi Tòa án phải cân nhắc xem công ty nước ngoài sẽ nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động như thế nào khi mà văn phòng đại diện tại Việt Nam đã đóng cửa. Tòa án sẽ buộc công ty phải khôi phục hoạt động của văn phòng đại diện và nhận nhân viên trở lại làm việc chẳng? Hay Tòa án sẽ buộc công ty phải nhận nhân viên vào làm việc tại văn phòng công ty ở nước ngoài? Người viết cho rằng không có cơ sở pháp lý để

Có thể thấy đây là loại tranh chấp phát sinh từ một vấn đề nhỏ. Có những vấn đề nhỏ thường bị nhầm lẫn khi áp dụng trong thực tế, nhưng lại ít được chú ý để điều chỉnh. Như vấn đề nhỏ được nêu trong bài này, nó dường như không gây ra trở ngại nào trong hoạt động hàng ngày của văn phòng đại diện, nhưng đã trở thành nguyên nhân tranh chấp khi văn phòng chấm dứt hoạt động. Do đó, để tránh xảy ra tranh chấp đáng tiếc, các văn phòng đại diện tại Việt Nam của các công ty nước ngoài nên rà soát các hợp đồng lao động ký với nhân viên, và nếu cần thiết, ký lại hợp đồng lao động cho phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

1. Bỏ quy định về tính tỷ lệ nội địa hóa ô tô từ ngày 01/10/2022

Bộ Khoa học và Công nghệ vừa có Thông tư 11/2022/TT-BKHHCN bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành trước đó, trong đó có Quyết định số 28/2004/QĐ-BKHHCN về phương pháp xác định tỷ lệ nội địa hóa đối với ô tô. Thông tư 11/2022/TT-BKHHCN sẽ có hiệu lực từ ngày 01/10/2022.

Như vậy, sau gần 20 năm, quy định liên quan tới tỷ lệ nội địa hóa và mức độ rời rạc của linh kiện ô tô nhập khẩu chính thức được bãi bỏ bởi các quy định nêu trên không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của công nghệ sản xuất ô tô khi sử dụng cách tính tỷ lệ nội địa hóa theo cụm chi tiết được sản xuất trong nước. Trong khi đó, các nước ASEAN



Ảnh: Hoàng Hiệp

lại tính theo tổng giá trị của từng chi tiết cộng lại.

Theo giới chuyên gia, việc bãi bỏ các quy định này được cho là phù hợp với sự phát triển, thay đổi quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp ô tô của các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô tại Việt Nam và trên thế giới hiện nay nhằm bảo đảm tính minh bạch, hợp lý; không gây phát sinh thủ tục hành chính, thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư và khoa học và công nghệ; bảo đảm được các điều ước và hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với các nước khác.

Theo vietnamnet.vn

2. Đề nghị nói room tín dụng thêm 1-2% dù lãi suất cao

Trong văn bản mới đây gửi Thủ tướng, Hiệp hội Bất động sản TP.HCM (HoREA) đề nghị Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và Chính phủ xem xét nói trần tín dụng thêm khoảng 1-2% để có thêm nguồn vốn tín dụng khoảng 100-200 nghìn tỷ đồng hỗ trợ cho nền kinh tế trong giai đoạn cao điểm cuối năm.

Theo HoREA, hạn mức tín dụng vừa được NHNN phân bổ thêm cho 18 ngân hàng thương mại chỉ tương đương con số thực tế khoảng 175-200 nghìn tỷ

đồng. Điều này có nghĩa NHNN vẫn còn giữ lại, chưa phân bổ khoảng 200 nghìn tỷ đồng, theo mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm nay khoảng 14%.

Do đó, nếu NHNN nói room tín dụng thêm 1-2% nữa thì sẽ có thêm khoảng trên dưới 200 nghìn tỷ đồng được bổ sung vào nền kinh tế để giải 'con khát vốn' của nền kinh tế,

trong đó có thị trường bất động sản. Các chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại, nhà đầu tư và người mua nhà đều mong muốn tiếp tục được vay tín dụng dù phải chịu lãi suất vay cao hơn trước.

Theo zingnews.vn



HoREA cho rằng NHNN nên bổ sung khoảng 200 nghìn tỷ đồng vào nền kinh tế. Ảnh: C.H.

1. **Thuế thu nhập cá nhân đối với quà tặng của nhân viên** 3. **Miễn giảm thuế thu nhập cá nhân theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần**

Trường hợp Công ty tổ chức thực hiện tặng quà cho nhân viên mà quà tặng không thuộc các quy định tại khoản 10 Điều 2 của Thông tư 111/2013/TT-BTC thì không phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ nhận quà tặng. Trường hợp Công ty chi khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền mang tính chất tiền lương, tiền công cho người lao động thì tính vào thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công cho cá nhân người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư 111/2013/TT-BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Huyndai Movex Vina tại Công văn số 46550/CTHN-TTHT ngày 22/9/2022.

2. **Thời điểm lập hóa đơn, kê khai thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt**

Trường hợp Công ty có hoạt động xây dựng, lắp đặt thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền theo quy định tại điều 9 của Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

Công ty được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng (GTGT) nhập khẩu nếu có chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu và đáp ứng điều kiện khấu trừ thuế GTGT theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tân Phát tại Công văn số 46548/CTHN-TTHT ngày 22/9/2022.

Trường hợp cá nhân người nước ngoài là đối tượng cư trú tại Pháp thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 31 của Thông tư 205/2013/TT-BTC và khoản 2 Điều 14 của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Pháp thì được miễn thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam. Về hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định, Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Thông tư 80/2021/TT-BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Chi nhánh Hogan Lovells International LLP tại Hà Nội tại Công văn số 46348/CTHN-TTHT ngày 21/9/2022.

4. **Chi phí trước khi thành lập doanh nghiệp**

Trường hợp Doanh nghiệp dự án trước khi được cấp giấy phép thành lập có ủy quyền cho Công ty chi hộ các khoản chi phí liên quan đến việc thành lập Doanh nghiệp dự án thì các hóa đơn, chứng từ mang tên Công ty (tổ chức được ủy quyền) được coi là chứng từ hợp lý, hợp lệ để hạch toán vào chi phí hợp lý được trừ của Doanh nghiệp dự án khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 của Thông tư 96/2015/TT-BTC.

Giao dịch thu hộ, chi hộ không thuộc các giao dịch liên kết thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 132/2020/NĐ-CP.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhân Bình tại Công văn số 45095/CTHN-TTHT ngày 13/9/2022.

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định 72/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2014/NĐ-CP quy định về hoạt động in và Nghị định 25/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2014/NĐ-CP quy định về hoạt động in.	04/10/2022	01/01/2023
2	Nghị định 71/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2016/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.	01/10/2022	01/01/2023
3	Nghị định 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.	27/09/2022	01/11/2022
4	Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.	16/09/2022	16/09/2022
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Thông tư 61/2022/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	05/10/2022	20/11/2022
2	Quyết định 1521/QĐ-TCT ban hành Quy trình quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.	22/09/2022	22/09/2022
BỘ CÔNG THƯƠNG			
1	Thông tư 15/2022/TT-BCT về việc quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp	03/10/2022	25/11/2022
2	Thông tư 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2017/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện	0/09/2022	22/11/2022
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM			
1	Thông tư 12/2022/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.	30/09/2022	15/11/2022
2	Thông tư 11/2022/TT-NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng.	30/09/2022	01/04/2023
3	Quyết định 1607/QĐ-NHNN về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014.	22/09/2022	23/09/2022
4	Quyết định 1606/QĐ-NHNN về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	22/09/2022	23/09/2022



**GLOBAL VIETNAM
LAWYERS**

Liên Hệ Với Chúng Tôi

info@gvlawyers.com.vn

Trụ sở chính – TP. HCM
Tầng 8, Tòa nhà Centec
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 10A, Tòa nhà CDC
25 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 (24) 3208 3555

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 3, Tòa nhà Indochina
Riverside, 74 Bạch Đằng
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc chưa được cập nhật kịp thời tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

